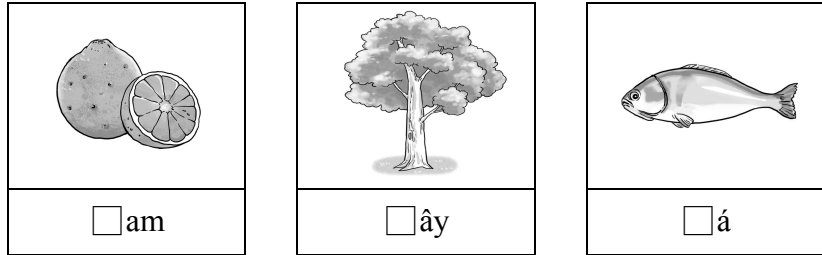


제 5 교시

제2외국어/한문 영역 (기초 베트남어)

성명 수험 번호

1. □에 공통으로 들어갈 글자는? [1점]



- ① c ② g ③ k ④ r ⑤ s

2. 밑줄 친 부분의 발음이 서로 같은 것은? [1점]

- ① bà - và ② đễ - đỏ
 ③ no - nhỏ ④ kéo - khéo
 ⑤ ngủ - nghe

3. 성조 표기가 옳은 것을 고른 것은?

a. bác si	b. đại học
c. học sinh	d. công viên

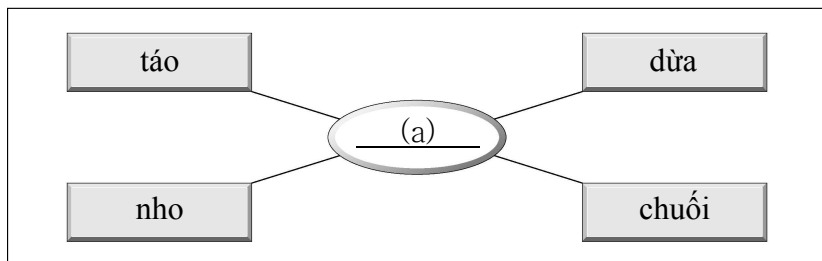
- ① a, b ② a, c ③ a, d ④ b, c ⑤ c, d

4. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A: Anh mượn quyển sách này ở thư viện à?
 B: Không, tôi _____ ở nhà sách đấy.

- ① dạy ② mặc ③ mua ④ nghi ⑤ quên

5. 낱말 연결 관계로 보아 빈칸 (a)에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① địa lý ② giải trí ③ quốc tịch
 ④ tôn giáo ⑤ trái cây

6. 빈칸에 들어갈 말로 알맞지 않은 것은?

A: _____?
 B: Vâng. Đây là công ty của tôi.

- ① Đây là công ty của anh à
 ② Đây là công ty của anh không
 ③ Đây là công ty của anh phải không
 ④ Đây là công ty của anh có phải không
 ⑤ Đây có phải là công ty của anh không

7. <보기>의 밑줄 친 부분과 쓰임이 같은 것은?

_____ <보 기> _____
 Ngày mai, tôi sẽ đi làm bằng chiếc xe máy mới.

- ① Cô ấy mới khỏi ốm.
 ② Bố mẹ tôi mới sửa nhà.
 ③ Anh Lee mới đi làm về.
 ④ Đó là cái áo mới của tôi.
 ⑤ Ông ấy mới đến Seoul sáng hôm nay.

8. 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Em ơi, em gặp anh trai của Kim chưa?
 B: Rồi ạ.
 A: Em thấy anh ấy thế nào?
 B: Anh ấy (a) đẹp trai (b) thông minh, chị ạ.

- (a) (b) (a) (b)
 ① từ đến ② vào đến
 ③ vừa vừa ④ đến vừa
 ⑤ chi thôi

9. 밑줄 친 부분의 표현이 옳은 것만을 있는 대로 고른 것은?

A: Cuối tuần này, chúng ta nên đi đâu nhỉ?
 (a) (b)
 B: Đi Huế được không?
 A: Được. Người nhiều thích đi Huế đấy.
 (c)

- ① (b) ② (c) ③ (a), (b)
 ④ (a), (c) ⑤ (a), (b), (c)

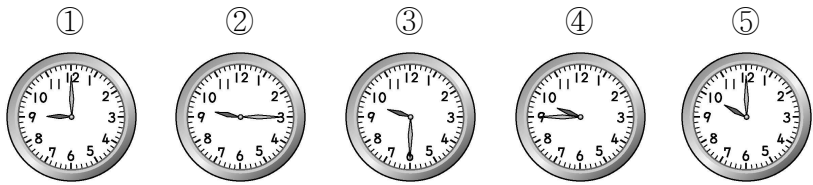
10. 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Anh _____ về nhà chưa?
B: Tôi _____ về nhà rồi. Chị chờ một chút nhé.

- ① sẽ ② đều ③ hãy ④ sắp ⑤ tới

11. 대화의 내용으로 보아 A와 B가 만나기로 한 시간은?

A: Tớ định đi đá bóng, bạn có đi cùng không?
B: Bây giờ không được. Nhưng nửa tiếng sau thì được.
A: Bây giờ là chín giờ. Thế lúc đó chúng ta gặp nhau nhé.
B: Đồng ý.

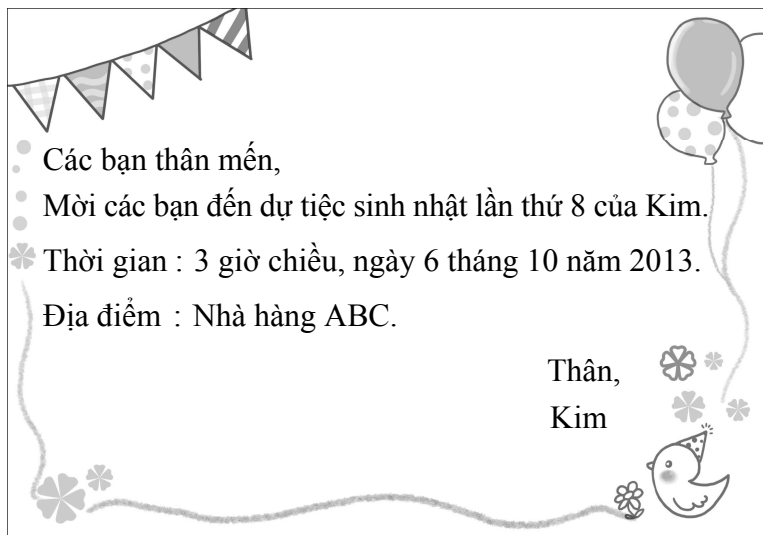


12. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A: Xin lỗi, chị có con chưa ạ?
B: Rồi, tôi có một con gái.
A: _____?
B: Cháu 3 tuổi rồi, anh ạ.

- ① Chị làm nghề gì
② Chị làm việc ở đâu
③ Con gái chị học ở đâu
④ Con gái chị mấy tuổi rồi
⑤ Con chị là con gái phải không

13. 글의 내용으로 알 수 없는 것은?



- ① 발신인 ② Kim의 나이
③ 생일 파티 시간 ④ 생일 파티 장소
⑤ Kim의 집 주소

14. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A: Chị ơi, dưa _____ 1 cân ạ?
B: 28.000 đồng 1 cân thôi. Dưa ngon lắm.
* cân : kíلو그램

- ① bao lâu rồi ② bao giờ chưa
③ bao nhiêu lần ④ bao nhiêu tiền
⑤ bao nhiêu cây số

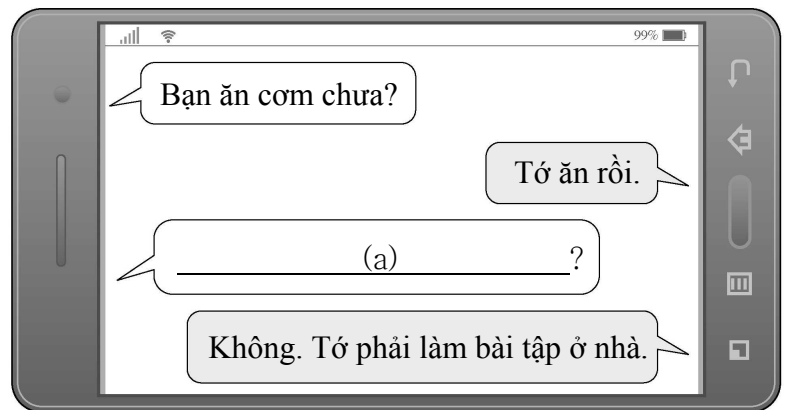
15. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 고른 것은? [1점]

A: Bạn ở Việt Nam mấy tháng rồi?
B: Tám tháng rồi.
A: Thế khi nào bạn sẽ về nước?
B: _____ tớ sẽ về nước.

<보 기>
a. Tháng này b. Tháng sau
c. Năm ngoái d. Năm trước

- ① a, b ② a, c ③ a, d ④ b, c ⑤ c, d

16. 빈칸 (a)에 들어갈 말로 알맞은 것은?




- ① Bạn đi đâu về
② Bạn đã làm gì
③ Bạn có ở nhà không
④ Bạn làm bài tập ở đâu
⑤ Bạn đến nhà tớ chơi được không

17. 대화의 내용으로 알 수 없는 것은? [1점]

A: Chị nói tiếng Anh giỏi quá.
B: Cảm ơn anh. Tôi sống ở Anh lâu rồi.
A: Chị sống ở đâu?
B: Tôi sống ở Luân-đôn.
* Anh : 영국 * Luân-đôn : 런던

- ① A는 남성이다. ② B는 여성이다.
③ A는 B를 칭찬한다. ④ A는 영국 사람이다.
⑤ B는 영국에서 오랫동안 살았다.

18. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 고른 것은?



A: _____
 B: Bây giờ anh Lee không có ở nhà.
 Anh có nhắn gì không?
 A: Không ạ. Tôi sẽ gọi lại sau.

- <보 기>—————
- a. Xin cho tôi gặp anh Lee.
 - b. Con trai anh Lee đi đâu?
 - c. Anh Lee có ở nhà không?
 - d. Bố anh Lee có ở nhà không?

- ① a, b ② a, c ③ a, d ④ b, c ⑤ c, d

19. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A: Chị ơi, tôi muốn đặt bàn.
 B: _____?
 A: Tôi sẽ đến lúc 6 giờ tối thứ bảy.
 B: _____?
 A: 5 người.
 B: _____.

- <보 기>—————
- a. Chị có mấy người ạ
 - b. Vâng ạ. Xin cảm ơn chị
 - c. Chị muốn đặt ngày nào và vào lúc mấy giờ ạ

- ① a - b - c ② a - c - b
 ③ b - a - c ④ b - c - a
 ⑤ c - a - b

20. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 고른 것은? [1점]

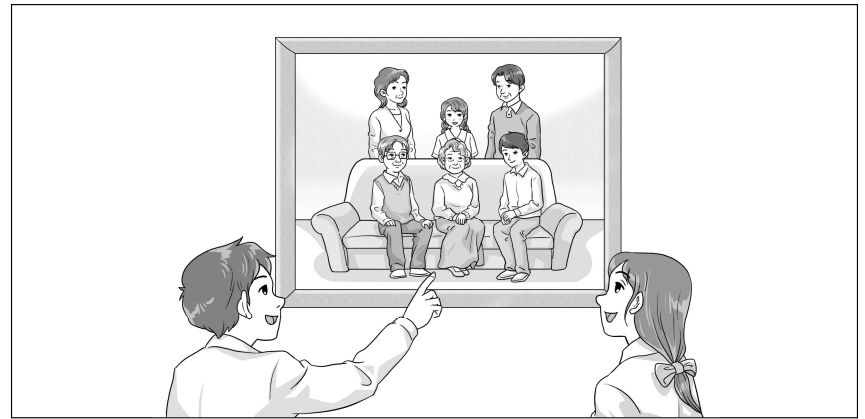


Hẹn gặp lại!

- <보 기>—————
- a. Chào bạn.
 - b. Tạm biệt bạn.
 - c. Bạn khỏe chứ?
 - d. Rất vui được gặp bạn.

- ① a, b ② a, c ③ a, d ④ b, c ⑤ c, d

[21~22] 그림과 대화를 보고 물음에 답하십시오.



Kim: Đây là ảnh của gia đình tớ.
 Lee: Người ngồi ở (a) là ai?
 Kim: Bà của tớ đấy.
 Lee: Người đứng (b) bà là em gái bạn phải không?
 Kim: Ừ. Em ấy 13 tuổi, ít hơn tớ 4 tuổi.

21. 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

- | | | | |
|---------|-------|---------|-----|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① sau | trong | ② giữa | sau |
| ③ giữa | trong | ④ ngoài | sau |
| ⑤ ngoài | giữa | | |

22. 대화의 내용으로 알 수 있는 것을 <보기>에서 고른 것은?

- <보 기>—————
- a. Kim có em gái.
 - b. Kim có em trai.
 - c. Em trai Kim là sinh viên.
 - d. Kim hơn em gái bốn tuổi.

- ① a, b ② a, c ③ a, d ④ b, c ⑤ c, d

23. 글의 내용으로 알 수 없는 것은?

Anh Kim là bạn thân của tôi. Anh ấy làm việc ở khách sạn. Còn vợ anh ấy là y tá. Chị ấy làm việc ở bệnh viện. Hai anh chị đang sống ở Nha Trang. Cả hai đều thích đọc sách, nghe nhạc và chơi thể thao.

- ① Kim은 호텔에 근무한다.
- ② Kim의 아내는 간호사이다.
- ③ Kim 부부는 독서를 좋아한다.
- ④ Kim 부부는 쌀국수를 좋아한다.
- ⑤ Kim 부부는 Nha Trang에 살고 있다.

